

**SỞ GD&ĐT QUẢNG BÌNH**  
**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  
(Đề thi có 04 trang)

**KỶ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022**  
**Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI**  
**Môn thi thành phần: ĐỊA LÝ**

*Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề*

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Mã đề thi: 001

**Câu 41:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây có khu kinh tế cửa khẩu?

- A. Bình Thuận.      B. Ninh Thuận.      C. Khánh Hòa.      D. Tây Ninh.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết địa điểm nào sau đây có đường số 7 đi qua?

- A. Đồng Hới.      B. Đông Hà.      C. Hồng Lĩnh.      D. Mường Xén.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây ở xa nhất về phía tây của nước ta?

- A. Điện Biên.      B. Tuyên Quang.      C. Yên Bái.      D. Thái Nguyên.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết cây hồ tiêu được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?

- A. Trà Vinh.      B. Sóc Trăng.      C. Bến Tre.      D. Đồng Nai.

**Câu 45:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào có quy mô nhỏ nhất trong các trung tâm sau đây?

- A. Nha Trang.      B. Quy Nhơn.      C. Quảng Ngãi.      D. Đà Nẵng.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây là trung tâm vùng?

- A. Cần Thơ.      B. TP. Hồ Chí Minh.      C. Đà Nẵng.      D. Huế.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có sản lượng lúa thấp nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Bình Định.      B. Gia Lai.      C. Bình Thuận.      D. Kiên Giang.

**Câu 48:** Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay

- A. nổi lên một số ngành trọng điểm.      B. giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.  
C. ưu tiên sản phẩm cạnh tranh thấp.      D. tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Nam?

- A. Sa Pa.      B. Lạng Sơn.      C. Cần Thơ.      D. Thanh Hóa.

**Câu 50:** Ở những lưu vực sông suối miền núi nước ta thường xảy ra

- A. lũ quét.      B. sóng thần.      C. nhiễm mặn đất.      D. ngập lụt.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh nào sau đây có cảng Nhật Lệ?

- A. Hà Tĩnh.      B. Nghệ An.      C. Quảng Trị.      D. Quảng Bình.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Dầu Tiếng nằm trên sông nào ở nước ta?

- A. Sông Sài Gòn.      B. Sông Cả.      C. Sông Xê Xan.      D. Sông Hồng.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đỉnh núi nào sau đây nằm trên cao nguyên Mơ Nông?

- A. Braian.      B. Lang Bian.      C. Vọng Phu.      D. Nam Decbri.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết tỉnh nào sau đây có khu kinh tế ven biển?

- A. Phú Yên.      B. Lâm Đồng.      C. Đắk Lắk.      D. Đắk Nông.

**Câu 55:** Việc ứng dụng công nghệ trồng trọt mới ở Đông Nam Bộ nhằm

- A. tăng năng suất.      B. mở rộng rừng.  
C. bảo vệ rừng.      D. giữ mực nước ngầm.

**Câu 56:** Biện pháp cải tạo đất ở đồng bằng nước ta là

- A. trồng cây theo băng.      B. đào hồ vẫy cá.  
C. bón phân hữu cơ.      D. dùng thuốc diệt cỏ.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có trung tâm công nghiệp nào sau đây?

- A. Hải Dương.      B. Hưng Yên.      C. Nam Định.      D. Thái Nguyên.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Ngãi.      B. Khánh Hòa.      C. Ninh Thuận.      D. Bình Định.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số thấp nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Nam Định.      B. Ninh Bình.      C. Thái Bình.      D. Bắc Kạn.

**Câu 60:** Ngành công nghiệp sản xuất rượu, bia, nước ngọt của nước ta phân bố tập trung ở

- A. khu vực đồi núi.      B. gần các cửa khẩu.  
C. khu vực cảng biển.      D. các đô thị lớn.

**Câu 61:** Tài nguyên sinh vật biển của nước ta

- A. phân bố ở các cửa sông, vịnh biển.      B. phân bố ở các đảo lớn ngoài khơi.  
C. phong phú, giàu thành phần loài.      D. tập trung chủ yếu ở vùng ven bờ.

**Câu 62:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2020

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km <sup>2</sup> )	1916,9	181,0	330,3	300,0
Dân số (triệu người)	271,7	15,5	32,8	109,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có mật độ dân số cao nhất?

- A. Cam-pu-chia.      B. In-đô-nê-xi-a.      C. Phi-lip-pin.      D. Ma-lai-xi-a.

**Câu 63:** Lao động thành thị của nước ta hiện nay

- A. chiếm tỉ lệ lớn trong lao động.      B. có tỉ lệ ngày càng tăng nhanh.

C. có trình độ từ cao đẳng trở lên.

D. chỉ hoạt động trong dịch vụ.

**Câu 64:** Đường biên giới trên đất liền của nước ta kéo dài, gây khó khăn cho việc

A. bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

B. thu hút đầu tư nước ngoài.

C. phát triển nền văn hóa.

D. khai thác các khoáng sản.

**Câu 65:** Giao thông vận tải nước ta hiện nay

A. chỉ có tuyến đường biển quốc tế.

B. chỉ tập trung phát triển đường ô tô.

C. đã hình thành cảng biển nước sâu.

D. đường sông có vai trò lớn nhất.

**Câu 66:** Hoạt động chăn nuôi của nước ta hiện nay

A. đã đem lại hiệu quả sản xuất rất cao.

B. hoàn toàn dùng thức ăn từ tự nhiên.

C. chỉ phát triển ở khu vực đồng bằng.

D. tạo ra được các sản phẩm hàng hóa.

**Câu 67:** Đặc điểm nào sau đây đúng với đô thị nước ta hiện nay?

A. Phân bố không đều giữa các vùng.

B. Quy mô dân số đô thị rất đồng đều.

C. Số lượng đô thị lớn nhất ở hải đảo.

D. Cơ sở hạ tầng đô thị hoàn thiện.

**Câu 68:** Hoạt động chế biến lâm sản của nước ta hiện nay

A. có phần lớn là lao động trình độ cao.

B. có hầu hết sản phẩm để xuất khẩu.

C. tạo ra nhiều loại sản phẩm khác nhau.

D. chỉ phát triển ở địa phương có rừng.

**Câu 69:** Cơ cấu kinh tế theo thành phần của nước ta hiện nay

A. chỉ tập trung vào kinh tế Nhà nước.

B. tỉ trọng vốn đầu tư nước ngoài giảm.

C. kinh tế tư nhân đóng vai trò chủ đạo.

D. thay đổi phù hợp với xu thế hội nhập.

**Câu 70:** Các mặt hàng nhập khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

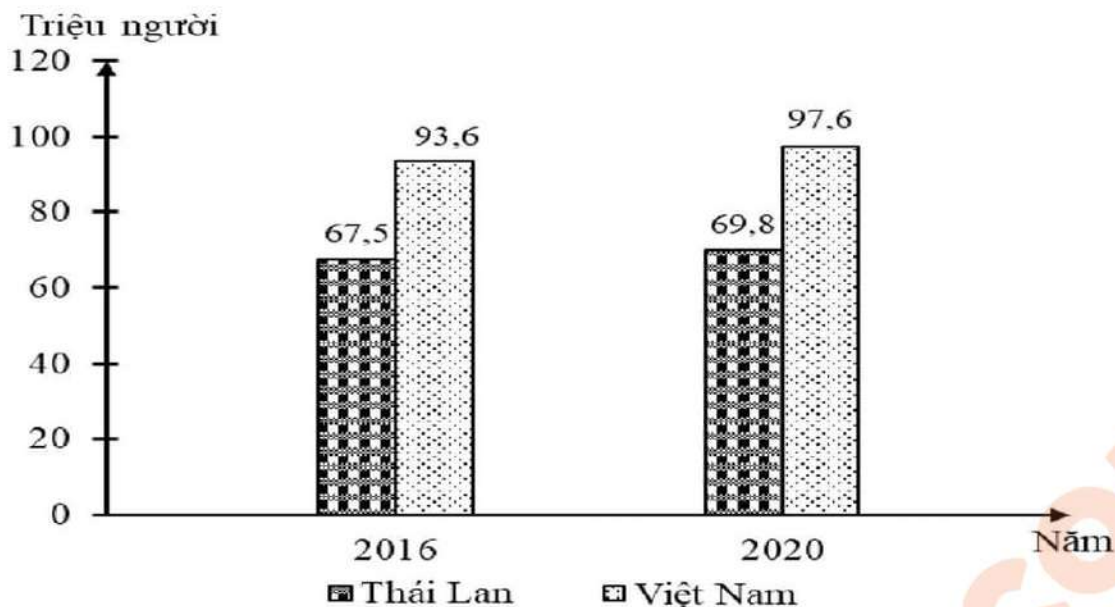
A. công nghiệp hóa, hiện đại hóa được thúc đẩy.

B. các ngành sản xuất phát triển, mức sống tăng.

C. liên doanh với các nước, thị trường mở rộng.

D. đô thị hóa phát triển, hội nhập toàn cầu rộng.

**Câu 71:** Cho biểu đồ:



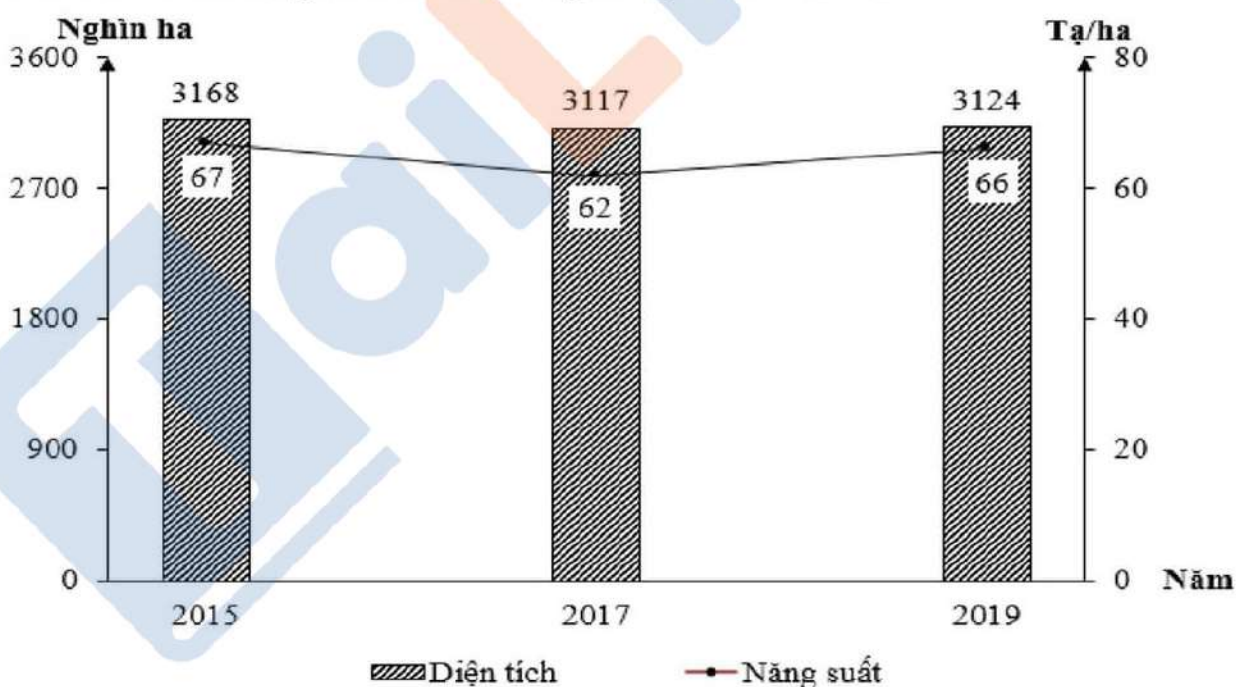
### DÂN SỐ CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM NĂM 2016 VÀ 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi số dân năm 2020 so với năm 2016 của Thái Lan và Việt Nam?

- A. Thái Lan tăng gấp hai lần Việt Nam.
- B. Việt Nam tăng nhiều hơn Thái Lan.
- C. Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan.
- D. Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam.

Câu 72: Cho biểu đồ về lúa đông xuân của nước ta giai đoạn 2015 - 2019:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng diện tích và năng suất lúa đông xuân.
- B. Chuyển dịch cơ cấu diện tích và năng suất lúa đông xuân.
- C. Quy mô diện tích và năng suất lúa đông xuân.

D. Cơ cấu diện tích và năng suất lúa đông xuân.

**Câu 73:** Biện pháp chủ yếu nâng cao giá trị sản phẩm cây cao su ở Tây Nguyên là

- A. tăng cường chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.      B. sản xuất tập trung, sử dụng nhiều giống tốt.  
C. sử dụng nhiều lao động, mở rộng diện tích.      D. mở rộng thị trường, phát triển các trang trại.

**Câu 74:** Mục đích chủ yếu của việc đầu tư phát triển các cửa khẩu ở Bắc Trung Bộ là

- A. thu hút các nguồn vốn, phát triển kinh tế biên giới, hình thành nhiều đô thị mới.  
B. đẩy mạnh xuất khẩu, phân bố lại dân cư, giải quyết việc làm cho nhiều lao động.  
C. tăng cường hợp tác, chuyển dịch cơ cấu ngành, thúc đẩy sự phân công lao động.  
D. mở rộng thị trường, tăng cường trao đổi hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế.

**Câu 75:** Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có khí hậu khác với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa và Tín phong bán cầu Bắc, vị trí gần chí tuyến, địa hình núi.  
B. vị trí ở nội chí tuyến, địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc và gió Tây.  
C. địa hình có núi cao, vị trí ở khu vực gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc.  
D. núi cao, gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới, vị trí ở xa xích đạo.

**Câu 76:** Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. tăng sản phẩm hàng hóa, đa dạng sản xuất.  
B. tạo nhiều nông sản, phát huy các thế mạnh.  
C. cải tạo đất, đẩy mạnh hoạt động trồng trọt.  
D. sử dụng hợp lý tự nhiên, phát triển kinh tế.

**Câu 77:** Mục đích chủ yếu của việc đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. phát huy thế mạnh, thay đổi cơ cấu kinh tế.  
B. thay đổi bộ mặt ven biển, nâng vị thế vùng.  
C. tăng sản lượng, nâng cao mức sống dân cư.  
D. tạo việc làm, tìm kiếm các ngư trường mới.

**Câu 78:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển du lịch biển - đảo ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tạo ra nhiều việc làm, sử dụng hợp lý tài nguyên, đẩy mạnh sản xuất.  
B. phát huy thế mạnh, nâng cao mức sống, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế.  
C. thay đổi cơ cấu sản xuất, thu hút nguồn đầu tư, nâng cao vai trò vùng.  
D. mở rộng sản xuất hàng hóa, tạo sản phẩm đa dạng, phân bố lại dân cư.

**Câu 79:** Cho bảng số liệu:

LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN PHÂN THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN  
Ở NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2020

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	2010	2020
Thành thị	14262,4	18171,9
Nông thôn	36211,1	36671,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo thành thị, nông thôn của nước ta năm 2010 và năm 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất ?

- A. Kết hợp.                      B. Đường.                      C. Tròn.                      D. Miền.

**Câu 80:** Giải pháp chủ yếu trong phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. nâng cao chất lượng lao động, thay đổi thị trường và nguồn nguyên liệu.  
B. thu hút vốn, đổi mới công nghệ, đảm bảo nguyên liệu và thị trường.  
C. hình thành vùng chuyên canh, đổi mới chính sách và hiện đại hóa.  
D. tăng nguồn nguyên liệu tại chỗ, mở rộng quy mô các nhà máy chế biến.

.....**HẾT**.....

-Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

-Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Mã đề Câu	001	002	003	004
41	D	C	A	A
42	D	B	C	C
43	A	A	A	B
44	D	D	D	B
45	C	B	A	C
46	A	D	B	D
47	B	A	C	B
48	A	D	C	B
49	C	B	C	A
50	A	D	A	D
51	D	B	B	A
52	A	B	A	B
53	D	C	A	B
54	A	A	A	A
55	A	D	A	C
56	C	D	C	C
57	D	A	D	B
58	D	D	B	B
59	D	C	D	D
60	D	C	A	C
61	C	A	B	A
62	C	A	C	C
63	B	D	A	C
64	A	C	D	C
65	C	A	D	D
66	D	C	A	C
67	A	D	C	D
68	C	A	D	B
69	D	B	A	D
70	B	B	B	D
71	B	C	A	A
72	C	A	D	A
73	A	A	D	C
74	D	D	C	D
75	A	B	A	C
76	D	C	C	D
77	C	B	A	A
78	B	B	D	A
79	C	D	B	B
80	B	D	D	B

.....HẾT.....